

Số: 40/KH-STTTT

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành TTTT năm 2023 và giai đoạn 2024 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh An Giang về Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2023 tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, như sau:

I. MỤC TIÊU

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/01/2023 của Bộ TTTT về định hướng phát triển ngành TTTT năm 2023 và giai đoạn 2024 – 2025, và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh An Giang. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ những thành tựu, kết quả đáng ghi nhận trong năm qua của ngành TTTT cho năm 2023, đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số Tỉnh An Giang; củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc để người dân được thụ hưởng thành quả của công cuộc chuyển đổi số, để Tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

Năm 2023 tiếp tục chú trọng thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách; tăng cường và đổi mới công tác quản lý báo chí; xây dựng đội ngũ nhân lực báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại, có giải pháp hỗ trợ báo chí phát triển; kịp thời chấn chỉnh sai phạm trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số Tỉnh An Giang và đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm; coi chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, với thông điệp năm 2023 là **“Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”**.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

- Phân đầu đến cuối năm 2023, Doanh thu Viễn thông, Bưu chính, Công nghệ thông tin, Báo chí, in, phát hành, bình quân các lĩnh vực, tăng trưởng trên 10%/ năm.
- Cải thiện xếp hạng tổng thể chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh An Giang, phân đầu trong nhóm từ 30 đến 40 trong xếp hạng chung của cả nước; nâng cao chỉ số thành phần về phát triển Kinh tế số và Xã hội số.
- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất với hệ thống thông tin các cấp chính quyền.
- Trên 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).
- Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thanh toán các dịch vụ công cộng bằng thanh toán điện tử.
- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.
- 100% thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin.
- 100% các trung tâm mua sắm cung ứng các dịch vụ Thanh toán không dùng tiền mặt.
- 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và 90% điểm bưu chính có kết nối Internet.
- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 90%. Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 90%. Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân đạt 25%. Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 80%. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet đạt 90%. Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động đạt 100%.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh tối thiểu đạt 35% đối với xã miền núi; tối thiểu 65% đối với các xã còn lại.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 40% đối với xã đồng bào DTTS và miền núi, tối thiểu 60% đối với các xã còn lại.
- Ít nhất 50% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.
- 100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động, thanh niên trong các cơ quan nhà nước, đoàn thể được cập nhật kiến thức về an toàn thông tin.
- 95% thanh niên được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý hoàn toàn trực tuyến đạt 60%.
- Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 20%.
- Tỷ lệ CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử đạt 60%.
- 100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm.
- Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được tiếp cận ít nhất 01 loại hình báo chí thiết yếu đạt 80%.
- Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội đạt tỷ lệ 90 – 95%.
- Có 95% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có đài truyền thanh.
- Tỷ lệ chuyển đổi đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng CNTT-VT đạt 20%.
- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) và kết nối, khai thác các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Lĩnh vực Bưu chính

- Đánh giá chất lượng dịch vụ bưu chính công ích và ngoài công ích.
- Thực hiện công bố chất lượng dịch vụ và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; Tăng cường thanh kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về cạnh tranh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về giá cước bưu chính.
- Triển khai hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

- Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, tăng trưởng duy trì trên 30%; Tập trung 03 lĩnh vực: Logistics, thương mại điện tử, dịch vụ công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính.

2. Lĩnh vực Viễn thông

- Có các biện pháp thúc đẩy thực hiện mục tiêu mỗi người dân một smartphone nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phối hợp và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai kế hoạch dùng công nghệ di động 2G theo lộ trình, tăng cường triển khai phủ sóng 4G, triển khai 5G.

- Tiếp tục chỉ đạo các DNVT hoàn thành việc phủ sóng các ấp chưa có sóng băng rộng di động. Thúc đẩy phát triển hạ tầng băng rộng cố định, tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học, v.v. thông qua việc đẩy mạnh triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ VTCI đến năm 2025; Tăng tốc độ truy cập Internet băng rộng, cố định. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, dùng chung hạ tầng giữa các DNVT.

- Chỉ đạo các DNVT di động xử lý triệt để tình trạng SIM có thông tin không đúng quy định, SIM không chính chủ; tiếp tục chủ động, tích cực hạn chế tối đa tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thương mại 5G với các thiết bị Make in Viet Nam, nghiên cứu, thử nghiệm các biện pháp tăng cường dùng chung chia sẻ hạ tầng viễn thông.

- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; tham mưu ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông ngầm khu đô thị; tăng cường quản lý nhà nước thuê bao trả trước, an toàn, an ninh mạng.

3. Lĩnh vực Chính phủ số và Chuyển đổi số quốc gia

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số quốc gia trên cả 03 trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, trọng tâm là phát triển các nền tảng số để cung cấp dịch vụ theo nhu cầu, ứng dụng công nghệ mới để cung cấp dịch vụ mới cho người dân; đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu số; khai mở giá trị mới, tạo ra không gian phát triển đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội.

- Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND

tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

- Từng bước hoàn chỉnh trực kết nối liên thông, chia sẻ cấp tỉnh; Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tập trung triển khai và vận hành hiệu quả “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh” (IOC) tỉnh An Giang.

- Triển khai Đề án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực giai đoạn 2020 - 2025, đảm bảo tỷ lệ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc.

- Triển khai các giải pháp đề hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc, thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước theo hướng toàn trình quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. 100% hồ sơ nộp tại bộ phận một cửa được xử lý trực tuyến; trong đó, 50% hồ sơ nộp tại bộ phận một cửa được thực hiện trực tuyến.

- Từng bước hoàn chỉnh, nâng cấp trực kết nối liên thông, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) để thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, khai thác triệt để các cơ sở dữ liệu quốc gia, các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang; Kết nối toàn diện, triệt để Cổng thông tin điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC); Khai thác và sử dụng hiệu quả Nền tảng giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số, Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân (VNFORM) và một số hệ thống thông tin, nền tảng số quan trọng khác; triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ theo mô hình hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, tạo cơ sở phát triển điện toán đám mây trong các cơ quan nhà nước. Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tập trung triển khai và vận hành hiệu quả “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh” (IOC) tỉnh An Giang.

- Tổ chức triển khai hoạt động Ban Chuyển đổi số tỉnh về chuyển đổi số tỉnh An Giang để dẫn dắt, điều phối hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ, đôn đốc các ngành, địa phương phát triển các nền tảng số. Trong đó, tập trung phát triển các nền tảng quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ tỉnh đến địa phương; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu; phát triển dữ liệu lớn; cung cấp dữ liệu mở. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các ngành, địa phương.

- Phối hợp, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch).

- Hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại khóm, ấp để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Đôn đốc, tổ chức triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại các ngành, địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh An Giang đến năm 2025.

- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.

4. Lĩnh vực An toàn thông tin mạng

- Tập trung bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm an toàn dữ liệu. Chuyển đổi căn bản về nhận thức và cách làm trong an toàn không gian mạng: từ mô hình bảo vệ phân tán sang mô hình bảo vệ tập trung; từ bị động ứng cứu sự cố sang chủ động dự báo sớm, cảnh báo sớm, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả; từ đơn độc bảo vệ, giấu kín thông tin bị tấn công mạng sang chủ động hợp tác, chia sẻ thông tin nhằm chủ động phòng ngừa và hỗ trợ xử lý sự cố.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ người dân, bảo vệ an toàn cho trẻ em trên môi trường mạng; nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho người dân, tạo lập “niềm tin số” trên môi trường mạng.

- Hướng dẫn phát triển Đội ứng cứu sự cố cho một số lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức Chiến dịch Tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin; Chương trình Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cơ bản.

- Thực hiện phân loại và kiểm tra phương án bảo vệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước theo cấp độ.

5. Lĩnh vực Kinh tế số và Xã hội số

- Thúc đẩy kinh tế số là đảm bảo tăng trưởng bền vững về mặt dài hạn (kinh tế số vận hành chủ yếu dựa trên sự tiến bộ của công nghệ, tiến bộ công nghệ là kết quả của tích lũy tri thức, tri thức phát triển vô hạn do đó là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, nhờ vậy nền kinh tế tăng trưởng bền vững).

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (SMEdx) để đổi mới cách tiếp cận theo hướng hình thành hệ sinh thái các nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số có khả năng tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu.
- Thúc đẩy và quản lý hiệu quả các giao dịch điện tử theo quy định.
- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên, phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao. Đảm bảo 100% sinh viên các trường đại học, cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.
- Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên, trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.
- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai chuyển đổi số đối với kinh tế tập thể hoặc mô hình điểm về ứng dụng CNTT trong kinh tế tập thể, đẩy mạnh phát triển Trang OCOP phục vụ quảng bá sản phẩm của Tỉnh An Giang trên môi trường mạng.

6. Lĩnh vực Công nghiệp ICT

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển lĩnh vực; Phát triển công nghiệp công nghệ số lấy doanh nghiệp là trung tâm, chất lượng và thương hiệu sản phẩm là nền tảng, nhân lực tài năng số là then chốt. Xác định phương châm hành động xuyên suốt “Thúc đẩy phát triển là trọng tâm - Quản lý để nâng cao chất lượng và thương hiệu công nghệ số Make in Viet Nam”.
- Hỗ trợ các sản phẩm Make in Viet Nam thông qua các chương trình quảng bá thương hiệu, kết nối cung cầu.
- Tuyên truyền về Chương trình sản phẩm CNTT thương hiệu Việt.
- Cung cấp thông tin nhu cầu nhân lực, thị trường lao động của các doanh nghiệp CNTT, các cơ sở đào tạo về CNTT (trường ĐH, CĐ); các trang thông tin tuyển dụng về CNTT để thu thập, tổng hợp về cung và cầu của nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp CNTT.

7. Lĩnh vực Báo chí, truyền thông

- Triển khai thực hiện Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028 thông qua thúc đẩy trách nhiệm truyền thông chủ động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương; lan toả thông tin tích cực về Việt Nam, cải thiện hình ảnh, uy tín quốc tế của Việt Nam.
- Tiếp tục xử lý tình trạng “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hóa” MXH và biểu hiện “tư nhân hóa báo chí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các sai phạm trong hoạt động báo chí.
- Tăng cường đấu tranh với các nền tảng xuyên biên giới trên cơ sở “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” và tuân thủ luật pháp Việt Nam, bảo đảm chủ quyền đất nước và tính thượng tôn pháp luật của Việt Nam.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách từ trung ương tới địa phương; thông tin, tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước. Tuyên truyền và dẫn dắt, định hướng các mô hình hay, gương người tốt, việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp và thị trường; kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, gỡ bỏ các thông tin xấu độc, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên mạng.

- Phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ để hỗ trợ, dẫn dắt, thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số báo chí, chuyển đổi số TTĐN.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra hoạt động của các Đài phát thanh, truyền hình, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình, như: Kiểm tra hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; kiểm tra hoạt động biên tập, biên dịch kênh nước ngoài; kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá và trả tiền, hoạt động biên tập nội dung theo yêu cầu (VOD) trên dịch vụ; theo dõi nội dung theo chuyên đề; liên tục rà soát chất lượng dịch vụ để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng.

- Rà quét, ngăn chặn kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật trên MXH, nhất là các MXH xuyên biên giới, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới tuân thủ pháp luật Việt Nam về quản lý nội dung, quảng cáo, đóng thuế. Duy trì tỷ lệ ngăn chặn gỡ bỏ thông tin xấu độc trên các nền tảng xuyên biên giới đạt mức cao (trên 90%).

- Tổ chức thiết lập hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT - VT từ các nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật, số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch đầu tư, phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở thông minh, nhằm củng cố, nâng chất, đảm bảo thực hiện chức năng là một trong những công cụ của Đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh trên mặt trận văn hóa tư tưởng.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung tuyên truyền, giới thiệu quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ra bên ngoài.

8. Lĩnh vực Xuất bản

- Triển khai Chương trình sách quốc gia giai đoạn 2022-2026.

- Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động Ngày sách Việt Nam 21/4.

- Tuyên truyền tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ hai.

- Triển khai Kế hoạch Tăng cường công tác phòng chống in lậu, xâm phạm bản quyền sách trên không gian mạng.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

- Thanh tra hành chính đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thông tin và truyền thông đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo Chương trình, Kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2023. Phối hợp với các ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội và doanh nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho nhà nước, người dân.

- Thực hiện kế hoạch rà, quét để xử lý, kiến nghị xử lý về báo hóa, trang thông tin điện tử, MXH về đăng tải tin giả, tin xấu, độc trên mạng; tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

- Tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

10. Công tác khác

a) Công tác xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật

Rà soát thống các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành TTTT còn hiệu lực để phát hiện bất cập. Tổ chức hiệu quả hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực TTTT; công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong ngành.

b) Công tác tổ chức cán bộ

Tham mưu, rà soát, xây dựng quy hoạch và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả, phát huy được năng lực đội ngũ cán bộ của Sở; Xây dựng và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực đảm nhận những vị trí, trách nhiệm mới; Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ, nghiên cứu các cách làm mới, tạo sự đột phá trong công tác cán bộ.

c) Công tác thi đua - khen thưởng

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, đẩy mạnh các Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”; Phong trào thi đua “*Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển*”; Phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”; Phong trào thi đua “*Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở*”. Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong việc phát động, tổ chức triển khai

các phong trào thi đua góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác trong năm 2023.

d) Công tác kế hoạch, đầu tư, tài chính, thống kê

Tổ chức, quản lý, điều hành kế hoạch, đầu tư công năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, linh hoạt và chủ động. Tổ chức hướng dẫn, triển khai các nguồn kinh phí thực hiện các nội dung về TTTT trong các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đúng mục đích, góp phần tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác chuyển đổi số, tăng cường năng lực quản lý của ngành, lĩnh vực. Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư, giám sát công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của công tác thống kê kinh tế ngành, lĩnh vực, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc tổng hợp, báo cáo và theo dõi chỉ tiêu thống kê tỉnh trong lĩnh vực TTTT.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai Tiêu dự án 1 và 2 thuộc Quyết định 2620/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND Tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch thực hiện tổng thể Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch Triển khai xã nông thôn mới thông minh theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025.

e) Công tác Văn phòng

Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh giao Sở thực hiện năm 2023; các nhiệm vụ do Bộ TTTT, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm. Thực hiện tốt chức năng tham mưu, tổng hợp, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Sở và hoạt động của các đơn vị thuộc Sở; phát huy hơn nữa vai trò đầu mối trong việc phối hợp với các đơn vị thuộc Sở. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện công tác tham mưu và các công tác khác của văn phòng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nội dung công việc được phân công năm 2023 trong Kế hoạch này và Quy chế làm việc của Sở TTTT An Giang quy định tại Quyết định số 14/QĐ-STTTT ngày 02/02/2023, các Phòng và Trung tâm nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng Kế hoạch công tác (kế hoạch 6 tháng, năm) của phòng, trung tâm do Trưởng phòng chịu trách nhiệm xây dựng và gửi về phòng Kế hoạch - Tài chính chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi ban hành Kế hoạch của Sở; Kế hoạch, chương trình công tác của Sở do Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp trên cơ sở kế hoạch công tác của phòng, đơn vị và kế hoạch công tác của Lãnh đạo Sở. Các phòng, đơn vị phải chịu trách nhiệm về tiến độ và nội dung thực hiện công việc được phân công trong chương trình công tác của Sở.

2. Công tác báo cáo

a) Các phòng, đơn vị gửi báo cáo qua hệ thống thông tin báo cáo do Sở thiết lập (Email, Zalo, Lris,..) về Phòng Kế hoạch – Tài chính theo thời gian quy định như sau:

- Báo cáo phục vụ họp giao ban hàng tuần (báo cáo tuần): Trước 15 giờ, chiều ngày thứ năm hàng tuần (gửi về Văn phòng Sở).
- Báo cáo tháng: Trước ngày 15 của tháng.
- Báo cáo quý: Trước ngày 15 của tháng cuối quý.
- Báo cáo 6 tháng đầu năm: Trước ngày 15 của tháng 6.
- Báo cáo 9 tháng: Trước ngày 15 của tháng 9.
- Báo cáo năm: Trước ngày 15 của tháng 11.

Ngoài báo cáo định kỳ trên, các phòng, đơn vị thực hiện báo cáo đột xuất hoặc báo cáo chuyên ngành theo yêu cầu của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Cục Thống kê và các sở, ngành thuộc tỉnh.

3. Theo kế hoạch công tác chung của phòng, trung tâm và sự phân công của thủ trưởng đơn vị, mỗi công chức đều phải có kế hoạch công việc chi tiết hàng tuần, hàng tháng của mình và báo cáo với Trưởng phòng. Nhiệm vụ, công việc được giao đối với mỗi công chức phải được ghi vào chương trình, kế hoạch của phòng và có định mức cụ thể về thời gian hoàn thành.

Yêu cầu các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện và có báo cáo định kỳ với Ban Giám đốc (thông qua phòng Kế hoạch Tài chính hoặc Văn Phòng Sở) đúng thời gian quy định; các đơn vị trực thuộc đưa các nhiệm vụ, nội dung công việc trong Kế hoạch này vào tiêu chí xét thi đua cuối năm; Văn phòng Sở (Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng của Sở) có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Kế hoạch này, đưa các nhiệm vụ, nội dung công việc của các Phòng và Trung tâm trong Kế hoạch này vào tiêu chí xét thi đua cuối năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Sở Thông tin và Truyền thông năm 2023, yêu cầu các đơn vị trực thuộc nghiêm túc triển khai ngay các nhiệm vụ được phân công./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng và trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT.

Lê Quốc Cường

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 40/KH-STTTT ngày 15 tháng 3 năm 2023)

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
A	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NGÀNH			
I	Lĩnh vực Bưu chính			
	Phấn đấu đến cuối năm 2023, Doanh thu Viễn thông, Bưu chính, Công nghệ thông tin, Báo chí, in, phát hành, bình quân các lĩnh vực, tăng trưởng trên 10%/ năm	CNTT-BCVT; TTBCXB		Cả năm
	100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và 90% điểm bưu chính có kết nối Internet	CNTT-BCVT		Cả năm
	Ít nhất 50% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ	CNTT-BCVT	KHTC	Cả năm
II	Lĩnh vực Viễn thông			
	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 90%. Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 90%	CNTT-BCVT		Cả năm
	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân đạt 25%	CNTT-BCVT		Cả năm
	Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 80%	CNTT-BCVT		Cả năm
	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet đạt 90%	CNTT-BCVT		Cả năm
	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động đạt 100%	CNTT-BCVT		Cả năm
	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh tối thiểu đạt 35% đối với xã miền núi; tối thiểu 65% đối với các xã còn lại	CNTT-BCVT	KHTC	Cả năm
III	Lĩnh vực Chính phủ số và Chuyển đổi số quốc gia			
	Cải thiện xếp hạng tổng thể chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh An Giang, phấn đấu trong nhóm từ 30 đến 40 trong xếp hạng chung của cả nước; nâng cao chỉ số thành phần về phát triển Kinh tế số và Xã hội số	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT	Cả năm
	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh được	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC;	Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất với hệ thống thông tin các cấp chính quyền		Văn phòng; TTCNTT-TT	
	Trên 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT	Cả năm
	Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thanh toán các dịch vụ công cộng bằng thanh toán điện tử	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT	Cả năm
	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT	Cả năm
	100% thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin	CNTT-BCVT; TTCNTT-TT	TTBCXB; KHTC; CNTT-BCVT	Cả năm
	100% các trung tâm mua sắm cung ứng các dịch vụ Thanh toán không dùng tiền mặt	CNTT-BCVT		Cả năm
	100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động, thanh niên trong các cơ quan nhà nước, đoàn thể được cập nhật kiến thức về an toàn thông tin	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
	95% thanh niên được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	CNTT-BCVT	TTBCXB; TTCNTT-TT	Cả năm
	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%	CNTT-BCVT	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý hoàn toàn trực tuyến đạt 60%	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC;	Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
			Văn phòng; TTCNTT-TT	
	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 20%	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
	Tỷ lệ CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử đạt 60%	CNTT-BCVT	TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 1, 2, 3 của cơ quan nhà nước được phân loại và thực hiện bảo vệ theo cấp độ đạt 100%;	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 40% đối với xã đồng bào DTTS và miền núi, tối thiểu 60% đối với các xã còn lại	CNTT-BCVT	KHTC	Cả năm
	Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) và kết nối, khai tác dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
IV	Lĩnh vực Báo chí, Truyền thông			
	100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm	TTCNTT-TT	TTBCXB; CNTT-BCVT	Cả năm
	Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được tiếp cận ít nhất 01 loại hình báo chí thiết yếu đạt 80%	TTBCXB		Cả năm
	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội đạt tỷ lệ 90 – 95%	Thanh tra Sở	TTBCXB	Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	Có 95% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có đài truyền thanh	TTBCXB	KHTC	Quý IV
	Tỷ lệ chuyển đổi đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng CNTT-VT đạt 20%	KHTC	TTBCXB	Quý IV
B	NHIỆM VỤ THEO TỪNG LĨNH VỰC			
I	LĨNH VỰC BƯU CHÍNH			
1	Đánh giá chất lượng dịch vụ bưu chính công ích và ngoài công ích	CNTT-BCVT		Quý IV
2	Thông kê, số liệu lĩnh vực bưu chính	CNTT-BCVT	KHTC	Cả năm
3	Cải cách hành chính; Dịch vụ hành chính công qua mạng BCCC; Khảo sát việc sử dụng dịch vụ HCC theo Quyết định 45/2016/QĐ-TTg tại các địa phương; Triển khai việc giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc tại Quyết định số 468/QĐ-TTg	CNTT-BCVT		Cả năm
4	Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép và cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép bưu chính Thẩm định hồ sơ và cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung văn bản xác định thông báo hoạt động bưu chính	CNTT-BCVT		Cả năm
5	Thực hiện công bố chất lượng dịch vụ và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; Tăng cường thanh kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về cạnh tranh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về giá cước bưu chính	Thanh tra Sở	CNTT-BCVT	Cả năm
6	Triển khai hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn	CNTT-BCVT		Cả năm
7	Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, tăng trưởng duy trì trên 30%; Tập trung 3 lĩnh vực: Logistics, thương mại điện tử, dịch vụ công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính	CNTT-BCVT		Cả năm
II	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG			

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Có các biện pháp thúc đẩy thực hiện mục tiêu mỗi người dân một smartphone nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phối hợp và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai kế hoạch dùng công nghệ di động 2G theo lộ trình, tăng cường triển khai phủ sóng 4G, triển khai 5G	CNTT-BCVT		Cả năm
2	Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành viễn thông	Thanh tra Sở	CNTT-BCVT	Theo Kế hoạch
3	Đảm bảo thông tin liên lạc phòng chống thiên tai	CNTT-BCVT	KHTC; TTBCXB	Cả năm
4	Tổ chức triển khai các chương trình nhắn tin phục vụ các sự kiện quan trọng	CNTT-BCVT		Theo sự kiện
5	Bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
6	Hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông	CNTT-BCVT		Cả năm
7	Hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định tại các khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông	CNTT-BCVT		Cả năm
8	Tổ chức thông tin tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	CNTT-BCVT	TTBCXB	Quý I
9	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025	CNTT-BCVT		Cả năm
10	Tổ chức, thực hiện kiểm tra và công bố về chất lượng dịch vụ viễn thông	CNTT-BCVT		Quý IV
11	Chỉ đạo các DNVT di động xử lý triệt để tình trạng SIM có thông tin không đúng quy định, SIM không chính chủ; tiếp tục chủ động, tích cực hạn chế tối đa tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác	CNTT-BCVT	Thanh tra Sở	Cả năm
12	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thương mại 5G với các thiết bị Make in Viet Nam, nghiên cứu, thử nghiệm các biện pháp tăng cường dùng chung chia sẻ hạ tầng viễn thông	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
13	Tiếp tục chỉ đạo các DNVT hoàn thành việc phủ sóng các ấp chưa có sóng băng rộng di động. Thúc đẩy phát triển hạ tầng băng rộng	CNTT-BCVT		Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	cố định, tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học, v.v. thông qua việc đẩy mạnh triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ VTCI đến năm 2025; Tăng tốc độ truy cập Internet băng rộng, cố định. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, dùng chung hạ tầng giữa các DNVT			
14	Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang	CNTT-BCVT		Quý I
15	Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; tăng cường quản lý nhà nước thuê bao trả trước, an toàn, an ninh mạng	CNTT-BCVT		Thường xuyên
16	Tham mưu ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông ngầm khu đô thị	CNTT-BCVT		Quý III
III	LĨNH VỰC CHÍNH PHỦ SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA			
1	Tiếp tục đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số quốc gia trên cả 3 trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, trọng tâm là phát triển các nền tảng số để cung cấp dịch vụ theo nhu cầu, ứng dụng công nghệ mới để cung cấp dịch vụ mới cho người dân; đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu số; khai mở giá trị mới, tạo ra không gian phát triển đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội	CNTT-BCVT	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
2	Hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội	CNTT-BCVT	Thành viên Tổ CNSCĐ	Quý II

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại bộ, ngành, địa phương	KHTC	CNTT-BCVT	Định kỳ
4	Triển khai các giải pháp để hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc, thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước theo hướng toàn trình quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	CNTT-BCVT	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
5	Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo các quyết định: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/1/2022;....	CNTT-BCVT	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Cả năm
6	Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	CNTT-BCVT		Cả năm
7	Từng bước hoàn chỉnh, nâng cấp trực kết nối liên thông, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) để thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, khai thác triệt để các cơ sở dữ liệu quốc gia, các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT; KHTC; VP	Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	gia (NDXP), bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang;			
8	Kết nối toàn diện, triệt để Cổng thông tin điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC); Khai thác và sử dụng hiệu quả Nền tảng giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số, Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân (VNFORM) và một số hệ thống thông tin, nền tảng số quan trọng khác;	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
9	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ theo mô hình hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, tạo cơ sở phát triển điện toán đám mây trong các cơ quan nhà nước.	TTCNTT-TT	KHTC; CNTT-BCVT	
10	Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tập trung triển khai và vận hành hiệu quả “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh” (IOC) tỉnh An Giang.	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Thường xuyên
11	Tổ chức triển khai hoạt động Ban Chuyển đổi số về chuyển đổi số tỉnh An Giang để dẫn dắt, điều phối hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	CNTT-BCVT		Cả năm
12	Hỗ trợ, đôn đốc các ngành, địa phương phát triển các nền tảng số. Trong đó, tập trung phát triển các nền tảng quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ tỉnh đến địa phương; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu; phát triển dữ liệu lớn; cung cấp dữ liệu mở. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các ngành, địa phương	CNTT-BCVT	TTBCXB	Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Phối hợp, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch).	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
14	Đôn đốc, tổ chức triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
15	Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh An Giang đến năm 2025	CNTT-BCVT		Quý IV
16	Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với Cổng Dịch vụ công quốc gia.	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Thường xuyên
17	Triển khai Đề án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực giai đoạn 2020 - 2025, đảm bảo tỷ lệ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc	CNTT-BCVT		Thường xuyên
18	Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện năm 2022	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Quý I
19	Triển khai thử nghiệm Hệ thống số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang	CNTT-BCVT		Quý I
20	Rà soát, đảm bảo tích hợp dịch vụ công trực tuyến tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%	CNTT-BCVT	TTBCXB	Thường xuyên
21	Theo dõi, cải thiện chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia:			
	- Công khai, minh bạch	Văn phòng		Thường xuyên
	- Tiến độ giải quyết	CNTT-BCVT TTBCXB		Thường xuyên
	- Dịch vụ công trực tuyến	CNTT-BCVT, TTBCXB, Văn phòng		Thường xuyên

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	- Mức độ hài lòng	Văn phòng		Thường xuyên
	- Số hóa hồ sơ	Văn phòng		Thường xuyên
IV	LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG			
1	Hướng dẫn, đôn đốc công tác bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Cả năm
2	Kiểm tra tuân thủ quy định về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
3	Báo cáo tình hình an toàn thông tin và thống kê kết nối chia sẻ dữ liệu về mã độc, giám sát	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Quý IV
4	Xây dựng các văn bản điều hành trong công tác phòng chống ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác	CNTT-BCVT	Thanh tra Sở	Cả năm
5	Điều phối các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện ngăn chặn dữ liệu, thông tin xâm hại trẻ em trên môi trường mạng	TTBCXB	CNTT-BCVT; TTCNTT-TT	Thường xuyên
6	Truyền thông chính sách, pháp luật phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực chữ ký số, xác thực điện tử	TTCNTT-TT	TTBCXB; CNTT-BCVT	Tháng 12/2023
7	Tăng cường các biện pháp bảo vệ người dân, bảo vệ an toàn cho trẻ em trên môi trường mạng; nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho người dân, tạo lập “niềm tin số” trên môi trường mạng	TTBCXB	TTCNTT-TT; CNTT-BCVT	Thường xuyên
8	Tham mưu hoạt động Đội ứng cứu sự cố cho một số lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Thường xuyên
9	Tổ chức Tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin; Chương trình Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cơ bản	TTCNTT-TT	TTBCXB; CNTT-BCVT	Theo sự kiện
10	Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát đảm bảo hoạt động mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh; Tổng hợp, báo cáo về Bộ TTTT (Cục BĐTU) tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Thực hiện trước ngày 30/6 và ngày 15/12 hàng năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	tỉnh An Giang; Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương kiểm tra chất lượng và ATTT mạng tuyến số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.			
11	Bảo đảm hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh An Giang	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Thường xuyên
12	Vận hành chuyên trang Chuyển đổi số với tên miền https://dti.angiang.gov.vn .	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Thường xuyên
13	Tiếp nhận thông tin cảnh báo của các cơ quan chuyên môn về lĩnh vực An toàn thông tin, theo dõi, phối hợp hỗ trợ các đơn vị trong xử lý các lỗ hổng An toàn thông tin, Báo cáo về Bộ theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ tại Chỉ thị 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/6/2019 về việc tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng nhằm tiếp tục cải thiện chỉ số xếp hạng của tỉnh	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Định kỳ
14	Triển khai thử nghiệm “Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh” (IOC) tỉnh An Giang	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
15	Triển khai thí điểm phần mềm phục vụ “Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng” (SOC) tỉnh An Giang	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Cả năm
16	Tham mưu triển khai công tác diễn tập an toàn thông tin năm 2023; tổ chức ứng cứu, báo cáo tình hình hoạt động Đội ứng cứu sự cố tỉnh An Giang	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Báo cáo định kỳ 06 tháng trước ngày 20/6, 01 năm trước ngày 15/12 hàng năm
17	Theo dõi, vận hành, đảm bảo nội dung thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang; Công bố kịp thời, đầy đủ kết quả giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành và cấp huyện và doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; Công văn số	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; Văn phòng	Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	1677/UBND-KTTH ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước			
18	Triển khai Ứng dụng chữ ký số gồm: tiếp nhận yêu cầu cấp chữ ký số, đăng ký chữ ký số, tổ chức các lớp đào tạo tập huấn, đào tạo lại, bàn giao thiết bị chữ ký số để sử dụng	TTCNTT-TT		Cả năm
19	Tiếp tục triển khai hệ thống thông tin nguồn theo Quyết định số 135/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng CNTT	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC	Cả năm
20	Thực hiện phân loại và kiểm tra phương án bảo vệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước theo cấp độ	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT	Cả năm
V	LĨNH VỰC KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1	Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (SMEdx) để đổi mới cách tiếp cận theo hướng hình thành hệ sinh thái các nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số có khả năng tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Cả năm
2	Thúc đẩy và quản lý hiệu quả các giao dịch điện tử theo quy định	CNTT-BCVT		Cả năm
3	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên, phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao. Đảm bảo 100% sinh viên các trường đại học, cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Trong năm
4	Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên, trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Trong năm
5	Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai chuyển đổi số đối với kinh tế tập thể hoặc mô hình điểm về ứng dụng CNTT trong kinh tế tập thể	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Quý II
6	Xây dựng và phát triển trang OCOP phục vụ quảng bá sản phẩm của Tỉnh An Giang trên môi trường mạng	TTCNTT-TT		Cả năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Tham mưu Xây dựng Công dữ liệu mở tỉnh An Giang	TTCNTT-TT	CNTT-BCVT; KHTC	
8	Tham mưu Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập và xử lý thông tin về giống, diện tích, sản lượng, mùa vụ của các nông sản chủ lực, đảm bảo tính thống nhất và khả năng truy cập dữ liệu (Theo Quyết định số 152/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh An Giang)	TTCNTT-TT		
VI	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ICT			
1	Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển lĩnh vực; Phát triển công nghiệp công nghệ số lấy doanh nghiệp là trung tâm, chất lượng và thương hiệu sản phẩm là nền tảng, nhân lực tài năng số là then chốt. Xác định phương châm hành động xuyên suốt “Thúc đẩy phát triển là trọng tâm - Quản lý để nâng cao chất lượng và thương hiệu công nghệ số Make in Viet Nam”	CNTT-BCVT		Cả năm
2	Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại cho các doanh nghiệp ICT; Tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT; TTBCXB	Trong năm
3	Hỗ trợ các sản phẩm Make in Viet Nam thông qua các chương trình quảng bá thương hiệu, kết nối cung cầu	CNTT-BCVT		
4	Phát triển nhân lực ICT: Tổ chức hội thảo phát triển nhân lực ICT giữa các DN và cơ sở đào tạo, xây dựng công thông tin cung cầu nhân lực	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Tháng 12/2023
5	Tuyên truyền về Chương trình sản phẩm CNTT thương hiệu Việt	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT; TTBCXB	Trong năm
6	Cung cấp thông tin nhu cầu nhân lực, thị trường lao động của các doanh nghiệp CNTT, các cơ sở đào tạo về CNTT (trường ĐH, CĐ); các trang thông tin tuyển dụng về CNTT để thu thập, tổng hợp về cung và cầu của nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp CNTT	CNTT-BCVT	TTCNTT-TT	Khi có yêu cầu
VII	LĨNH VỰC BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG			

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Triển khai thực hiện Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028 thông qua thúc đẩy trách nhiệm truyền thông chủ động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương; lan toả thông tin tích cực về Việt Nam, cải thiện hình ảnh, uy tín quốc tế của Việt Nam	TTBCXB	TTCNTT-TT	Thường xuyên
2	Xử lý nghiêm tình trạng “báo hóa” tạp chí, thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích	Thanh tra Sở	TTBCXB	Hàng quý
3	Tăng cường đấu tranh với các nền tảng xuyên biên giới trên cơ sở “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” và tuân thủ luật pháp Việt Nam, bảo đảm chủ quyền đất nước và tính thượng tôn pháp luật của Việt Nam	TTBCXB	Thanh tra Sở	Thường xuyên
4	Thanh tra, xử lý vi phạm, chấn chỉnh hoạt động báo chí	Thanh tra Sở	TTBCXB	Hàng tháng
5	Triển khai Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam	TTBCXB	TTCNTT-TT	Tháng 12/2023
6	Triển khai Đề án 01/ĐA/TW ngày 26/02/2018 của Bộ Chính trị về “Chủ trương, biện pháp của ta trước những diễn biến mới trên Biển Đông”	TTBCXB	TTCNTT-TT	Tháng 12/2023
7	Sản xuất sản phẩm truyền thông phục vụ TTĐN khu vực biên giới (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025)	TTBCXB	KHTC	Tháng 12/2023
8	Triển khai các nhiệm vụ tuyên truyền thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” hằng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông	TTBCXB	TTCNTT-TT	Tháng 12/2023
9	Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền ở cơ sở năm 2023	TTBCXB	KHTC	Tháng 12/2023
10	Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thông tin cơ sở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố trên Nền tảng MOOCS.	TTBCXB	CNTT-BCVT	Tháng 12/2023
11	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về thông tin cơ sở	TTBCXB	Thanh tra Sở	Tháng 12/2023
12	Thu thập số liệu về thông tin cơ sở trên phần mềm quản lý dữ liệu nghiệp vụ thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước	TTBCXB		Tháng 12/2023

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách từ trung ương tới địa phương; thông tin, tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước. Tuyên truyền và dẫn dắt, định hướng các mô hình hay, gương người tốt, việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp và thị trường; kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, gỡ bỏ các thông tin xấu độc, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên mạng	TTBCXB	TTCNTT-TT	Thường xuyên
14	Phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ để hỗ trợ, dẫn dắt, thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số báo chí, chuyển đổi số TTĐN	CNTT-BCVT	TTBCXB	Trong năm
15	Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra hoạt động của các Đài phát thanh, truyền hình, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình, như: Kiểm tra hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; kiểm tra hoạt động biên tập, biên dịch kênh nước ngoài; kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá và trả tiền, hoạt động biên tập nội dung theo yêu cầu (VOD) trên dịch vụ; theo dõi nội dung theo chuyên đề; liên tục rà soát chất lượng dịch vụ để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng	TTBCXB	Thanh tra Sở	Định kỳ
16	Rà quét, ngăn chặn kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật trên MXH, nhất là các MXH xuyên biên giới, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới tuân thủ pháp luật Việt Nam về quản lý nội dung, quảng cáo, đóng thuế. Duy trì tỷ lệ ngăn chặn gỡ bỏ thông tin xấu độc trên các nền tảng xuyên biên giới đạt mức cao (trên 90%)	TTBCXB		Thường xuyên
17	Tổ chức thiết lập hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT - VT từ các nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo	KHTC	TTBCXB	Trong năm

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025			
18	Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch đầu tư, phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở thông minh, nhằm củng cố, nâng chất, đảm bảo thực hiện chức năng là một trong những công cụ của Đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh trên mặt trận văn hóa tư tưởng	KHTC	TTBCXB	Quý I
19	Đẩy mạnh công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung tuyên truyền, giới thiệu quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ra bên ngoài	TTBCXB		Thường xuyên
VIII	LĨNH VỰC XUẤT BẢN			
1	Triển khai Chương trình sách quốc gia giai đoạn 2022-2026	TTBCXB	TTCNTT-TT	Theo sự kiện
2	Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động Ngày sách Việt Nam 21/4	TTBCXB	TTCNTT-TT	Theo sự kiện
3	Tuyên truyền tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ hai	TTBCXB	TTCNTT-TT	Theo sự kiện
4	Triển khai Kế hoạch Tăng cường công tác phòng chống in lậu, xâm phạm bản quyền sách trên không gian mạng	TTBCXB	Thanh tra Sở	Trong năm
IX	CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG			
1	Thanh tra hành chính đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Thông tin và Truyền thông.	Thanh tra Sở	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; Văn phòng; TTCNTT-TT	Theo Kế hoạch
2	Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thông tin và truyền thông đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo Chương trình, Kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Thanh tra Sở	CNTT-BCVT; TTBCXB	Theo Kế hoạch
3	Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2023. Phối hợp với các ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội và doanh nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện,	Thanh tra Sở		Theo Kế hoạch

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho nhà nước, người dân.			
4	Thực hiện kế hoạch rà, quét để xử lý, kiến nghị xử lý về báo hóa, trang thông tin điện tử, MXH về đăng tải tin giả, tin xấu, độc trên mạng; tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác.	Thanh tra Sở		Thường xuyên
5	Tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng	Thanh tra Sở		Thường xuyên
X	CÔNG TÁC KHÁC			
1	Rà soát thống các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành TTTT còn hiệu lực để phát hiện bất cập. Tổ chức hiệu quả hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực TTTT; công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong ngành	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
2	Tham mưu, rà soát, xây dựng quy hoạch và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả, phát huy được năng lực đội ngũ cán bộ của Sở; Xây dựng và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực đảm nhận những vị trí, trách nhiệm mới; Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ, nghiên cứu các cách làm mới, tạo sự đột phá trong công tác cán bộ	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
3	Tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác thi đua khen thưởng, xét sáng kiến, giải pháp và làm thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng về: Thi đua ngành TTTT, Thi đua Cụm số 8, Thi đua Khối số 3 và các phong trào thi đua khác: Thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Thi đua toàn dân bảo vệ ANTK trong cơ quan, doanh nghiệp và trường	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Quý IV

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	học; phong trào thi đua bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phong trào doanh nghiệp An Giang hội nhập và phát triển; Cả nước chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau; Chung sức xây dựng nông thôn mới; Công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở; Phong trào thi đua đặc biệt “Ngành Thông tin và Truyền thông đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19”; Thi đua pháp chế...			
4	Phối hợp theo dõi, giám sát các đơn vị trong cơ quan về tiến độ thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; Thực hiện thông báo, kết luận của cuộc họp do lãnh đạo Sở chủ trì; Tổ chức thông tin công tác cho lãnh đạo Sở, quản lý hệ thống văn bản đi và đến	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
5	Tham mưu về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý, luân chuyển, chuyển chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ theo quy định; Thực hiện việc lập, lưu trữ hồ sơ cá nhân và tổ chức quản lý hồ sơ công chức, viên chức, người lao động	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
6	Tham mưu về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị trực thuộc Sở và kế hoạch biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp trình UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét, phân bổ theo quy định	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Trong năm
7	Giải quyết thực hiện thủ tục nhân sự tham gia các lớp bồi dưỡng đào tạo, công tác nước ngoài	Văn phòng		Khi phát sinh
8	Theo dõi, quản lý nghỉ phép hàng năm cho người lao động. Thực hiện kế hoạch nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng lương trước thời hạn, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức, viên chức, người lao động	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Tổng hợp các sáng kiến, giải pháp của tập thể, cá nhân và dự thảo Quyết định công nhận sáng kiến trình Giám đốc Sở công nhận. Phối hợp với các phòng chuyên môn, trung tâm thuộc Sở trong việc lập hồ sơ trình công nhận xét sáng kiến cấp tỉnh	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
10	Báo cáo định kỳ công tác thi đua hàng quý, hàng năm, làm thủ tục đề xuất khen thưởng hàng năm hoặc đột xuất, chuyên đề đối với tập thể và cá nhân hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Định kỳ Quý, năm
11	Xây dựng và theo dõi lịch công tác của lãnh đạo Sở và của cơ quan	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
12	Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ, con dấu của cơ quan và trung tâm thuộc Sở theo quy định, kiểm tra thể thức văn bản của các phòng chuyên môn, trung tâm thuộc Sở trước khi trình lãnh đạo Sở	Văn phòng		Thường xuyên
13	Lập kế hoạch và thực hiện điều động phương tiện phục vụ công tác cho lãnh đạo Sở và đoàn công tác của Sở, và sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô	Văn phòng		Theo Kế hoạch
14	Chủ trì cùng các phòng, trung tâm thuộc Sở tổ chức bố trí phục vụ hội nghị, hội họp, tiếp khách trong cơ quan. Theo dõi, thực hiện công tác vệ sinh mỹ quan toàn Sở, sửa chữa điện, nước, điện thoại, máy in, máy photocopy... đảm bảo kịp thời phục vụ cho công tác	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Theo sự kiện
15	Thực hiện việc công bố, công khai tại đơn vị các nội dung được quy định theo Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC;	Thường xuyên

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	năm 2022 của UBND tỉnh An Giang - nhiệm vụ tại Sở TTTT và kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị trực thuộc		TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	
16	Theo dõi, giám sát tình hình chấp hành quy chế, nội quy cơ quan của công chức, viên chức, người lao động sở, báo cáo với Giám đốc vào thứ 02 hàng tuần	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
17	Theo dõi, báo cáo, kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Định kỳ
18	Tham mưu, xây dựng các văn bản thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị theo các quy định tại Quyết định số 73/2016/QĐ-UBND ngày 20/11/2016 của UBND tỉnh	Văn phòng		
19	Xây dựng kế hoạch công tác thanh niên tại đơn vị và định kỳ báo cáo theo quy định	Văn phòng		Định kỳ
20	Tổ chức công tác bảo vệ cơ quan, công tác vệ sinh, môi trường, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và phòng chống cháy nổ trong khu vực cơ quan	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
21	Phối hợp và theo dõi việc thực hiện các quy định thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí của cơ quan	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
22	Tổ chức kiểm kê, đánh giá tài sản về mặt số lượng và tình hình quản lý tài sản, sử dụng nhà đất của cơ quan và toàn Sở	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC;	Thường xuyên

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
			TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	
23	Lập Kế hoạch nhu cầu sử dụng kinh phí năm 2023. Hướng dẫn xây dựng báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hành chính sự nghiệp, kinh phí hoạt động năm 2023 đối với các đơn vị trực thuộc	Văn phòng		
24	Tham mưu Quyết định phân bổ kinh phí hoạt động Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc vào đầu năm và bổ sung hoặc điều chỉnh kinh phí (nếu có)	Văn phòng		
25	Chủ trì tham mưu Ban Giám đốc về quản lý, giám sát thực hiện tình hình sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí: Kinh phí giao tự chủ (kinh phí khoán); Kinh phí cải cách tiền lương và Kinh phí sự nghiệp. Lập báo cáo tài chính và đối chiếu kinh phí hàng quý, năm với KBNN và Sở Tài chính	Văn phòng		
26	Lập kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, sử dụng vật tư, văn phòng phẩm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chung của Sở	Văn phòng		Khi có nhu cầu
27	Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kê khai tài sản năm 2023, triển khai thực hiện đúng quy định, báo cáo kết quả đến Thanh tra tỉnh	Văn phòng		Khi có yêu cầu
28	Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về tình hình thu phí, lệ phí và tình hình sử dụng biên lai phí, lệ phí tại bộ phận 1 cửa	Văn phòng		Định kỳ hàng tháng, quý, năm
29	Thực hiện việc thu, chi, công tác thủ quỹ	Văn phòng		
30	Thực hiện việc kê khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân và quyết toán cuối năm thuế thu nhập cá nhân đến Cục thuế tỉnh An Giang	Văn phòng		
31	Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính tại Sở	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
32	Chủ trì và phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở phổ biến và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền pháp luật bám sát các chuyên đề theo định hướng của tỉnh, triển khai toàn cơ quan cho công chức viên chức người lao động	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thực hiện mỗi tháng 1 lần
33	Chủ trì và phối hợp thực hiện với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác báo cáo, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước	Văn phòng		
34	Theo dõi văn bản mới, hết hiệu lực, sửa đổi bổ sung. Kiểm tra thể thức và thủ tục trong việc ban hành các văn bản của Sở; tham mưu hủy bỏ các văn bản không còn phù hợp theo hướng dẫn	Văn phòng		
35	Xây dựng Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính và cung cấp kết quả đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính hàng quý và cả năm đến Văn phòng UBND tỉnh	CNTT-BCVT		Định kỳ
36	Thực hiện chế độ báo cáo cho công tác pháp chế các nội dung về: phổ biến, giáo dục pháp luật; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Văn phòng		Định kỳ
37	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh An Giang	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
38	Tham mưu chủ trương đầu tư và theo dõi tiến độ triển khai các dự án do sở làm chủ đầu tư, vốn sự nghiệp TTTT	KHTC	CNTT-BCVT; TTBCXB; Văn phòng; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Khi phát sinh

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
39	Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn các ngành và địa phương triển khai thực hiện việc công bố, công khai tại đơn vị các nội dung được quy định theo Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang	KHTC	Văn phòng	Thường xuyên
40	Tham mưu triển khai Kế hoạch thông tin và truyền thông về giải pháp cải thiện chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tỉnh An Giang năm 2023 của sở	KHTC		Quý II
41	Tham mưu Giám đốc triển khai thông tin, tuyên truyền phòng, chống tội phạm, HIV/AIDS, mại dâm, kiểm soát ma túy và các tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023	KHTC		Trong năm
42	Chủ trì theo dõi và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động của các Phòng VH TT huyện, thị xã, thành phố	KHTC		Thường xuyên
43	Thực hiện báo cáo công tác chuyên môn hàng tháng, quý, 6 tháng, năm gửi UBND tỉnh, sở KHĐT, Bộ TTTT	KHTC	CNTT-BCVT; TTBCXB; Văn phòng; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Định kỳ
44	Tham mưu triển khai Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Nội dung: Giảm nghèo về thông tin)	KHTC		Quý II
45	Tổ chức, quản lý, điều hành kế hoạch, đầu tư công năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, linh hoạt và chủ động. Tổ chức hướng dẫn, triển khai các nguồn kinh phí thực hiện các nội dung về TTTT trong các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đúng mục đích. Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư, giám sát công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của công tác thống kê kinh tế ngành, lĩnh vực, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc tổng hợp, báo cáo và theo dõi chỉ tiêu thống kê tỉnh trong lĩnh vực TTTT	KHTC	Văn phòng	Thường xuyên

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
46	Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Triển khai Tiểu dự án 1 và 2 thuộc Quyết định 2620/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND Tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch thực hiện tổng thể Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	KHTC		Quý II
47	Kế hoạch Triển khai xã nông thôn mới thông minh theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025	KHTC	CNTT-BCVT; TTBCXB; Văn phòng; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Quý II
48	Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	KHTC	CNTT-BCVT; TTBCXB; Văn phòng; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Quý II
49	Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh giao Sở thực hiện năm 2023; các nhiệm vụ do Bộ TTTT, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm. Thực hiện tốt chức năng tham mưu, tổng hợp, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Sở và hoạt động của các đơn vị thuộc Sở; phát huy hơn nữa vai trò đầu mối trong việc phối hợp với các đơn vị thuộc Sở. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện công tác tham mưu và các công tác khác của văn phòng	Văn phòng	CNTT-BCVT; TTBCXB; KHTC; TTCNTT-TT; Thanh tra Sở	Thường xuyên
50	Báo cáo định kỳ hàng tháng cập nhật tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP và số liệu dịch vụ công trực tuyến	CNTT-BCVT		Hàng tháng
51	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm tình hình xử lý văn bản điện tử và hồ sơ công trực trên môi trường mạng	CNTT-BCVT		Hàng quý
52	Công bố, công khai tình hình định kỳ hàng tháng tình hình xử lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	CNTT-BCVT		Hàng tháng

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
53	Công bố định kỳ hàng tháng danh sách cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức giải quyết chậm, trễ hạn hồ sơ thủ tục hành chính	CNTT-BCVT		Hàng tháng
54	Theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh	CNTT-BCVT		Thường xuyên
55	Theo dõi, cải thiện chỉ số cải cách hành chính lĩnh vực Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số	CNTT-BCVT		Thường xuyên